**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN, LỚP: 6**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ….. .**; Số học sinh:** …… **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** … ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ....0.... Đại học: 01.; Trên đại học:........0.....

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:.................; Khá:..0..............; Đạt:.0..............; Chưa đạt:...0......................

**3.Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học/ Dụng cụ | Số lượng  (Bộ) | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| **1** | - Máy tính/Tivi  - Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ  - Giấy A0/ bút lông | **01** | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình ,dòng họ | - Máy tính cá nhân |
| **2** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt. | **01** | Bài 2: Yêu thương con người | - Máy tính cá nhân |
| **3** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Bộ tranh về những việc làm thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hàng ngày. | **01** | Bài 3: Siêng năng kiên trì | - Máy tính cá nhân |
| **4** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  -Video/clip về tình huống trung thực | **01** | Bài 4: Tôn trọng sự thật | - Máy tính cá nhân |
| **5** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  -Video/clip về tình huống tự lập | **01** | Bài 5: Tự lập | - Máy tính cá nhân |
| **6** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Video tình huống về việc tự giác làm việc nhà  - Bộ dụng cụ thực hành tự nhận thức bản thân | **01** | Bài 6: Tự nhận thức bản thân. |  |
| **7** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm.  - Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm | **01** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Máy tính cá nhân |
| **8** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Video/clip tình huống về tiết kiệm  - Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước  - Bộ dụng cụ, thực hành tiết kiệm | **01** | Bài 8: Tiết kiệm | - Máy tính cá nhân |
| **9** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Bộ tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân  **-** Video hướng dẫn về quy trình khai sinh cho trẻ em | **01** | Bài 9: Công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam | - Máy tính cá nhân |
| **10** | - Máy tính/Tivi  - Giấy A0/ bút lông  - Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em | **01** | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em. | - Máy tính cá nhân |
|  |  |  |  |  |

***4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bài tập*** *:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| **1** | - Sân thể dục | **01** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Học sinh biết thực hiện một số bước đơn giản và phù hợp để phòng, tránh và ứng phó với các tình huống nguy hiểm. |
| -Lớp học | **03** |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. Phân phối chương trình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **Bài 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ** | **3** | **1. Kiến thức:**  - HS nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.  - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.  - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 2 | **BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI** | **2** | **1. Kiến thức:**  - HS nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.  - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.  - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.  - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương con người.  - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Yêu nước, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 3 | **BÀI 3: SIÊNG NĂNG, KIÊN TRÌ** | **2** | **1. Kiến thức:**  - HS nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì.  - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.  - Thực hiện được những việc làm thể hiện siêng năng, kiên trì trong học tập, lao động.  - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.  - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng, nản lòng để khắc phục hạn chế này.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù. |
| 4 | **ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.  - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.  - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3.  **2. Năng lực:**  - Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.  - Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 5 | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | **1** | ***1. Kiến thức***:  - Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ.  - Yêu thương con người.  - Siêng năng, kiên trì.  ***2. Kỹ năng:***  Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.  ***3. Thái độ:*** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 6 | **BÀI 4: TÔN TRỌNG SỰ THẬT** | **2** | **1. Kiến thức:**  - HS biết sự thật là gì và biểu hiện của tôn trọng sự thật.  - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật.  - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.  - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 7 | **BÀI 5: TỰ LẬP** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được khái niệm tự lập.  - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập.  - Hiểu vì sao phải tự lập.  - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.  - Tự thực hiện nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở nhà trường và trong sinh hoạt cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại, phụ thuộc vào người khác.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, yêu nước, nhân ái. |
| 8 | **BÀI 6: TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.  - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ bản thân.  - Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, cần cù, nhân ái. |
| 9 | **KIỂM TRA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Tôn trọng sự thật.  - Tự lập.  - Tự nhận thức bản thân.  **2. Kỹ năng:**  Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.  **3. Thái độ:** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 10 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ I** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.  - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.  - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 6.  **2. Năng lực:**  - Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.  - Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 11 | **BÀI 7: ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG NGUY HIỂM** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.  - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm, nhân ái. |
| 12 | **BÀI 8: TIẾT KIỆM** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được khái niệm tiết kiệm và những biểu hiện của tiết kiệm.  - Giải thích được vì sao phải tiết kiệm.  - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện tiết kiệm của bản thân và người xung quanh.  - Phê phán những biểu hiện của lãng phí trong cuộc sống và trong học tập.  - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống và trong học tập.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. |
| 13 | **BÀI 9: CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nêu được khái niệm công dân.  - Nêu được căn cứ xác định công dân nước CHXHCNVN.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: yêu nước, cần cù, trách nhiệm. |
| 14 | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | **1** | ***1. Kiến thức***:  - Ứng phó với các tình huống nguy hiểm.  - Tiết kiệm.  - Công dân nước CHXHCNVN.  ***2. Kỹ năng:***  Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.  ***3. Thái độ:*** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 15 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.  - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.  - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 7 đến bài 9.  **2. Năng lực:**  - Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.  - Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |
| 16 | **BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:  - Nêu được quy định của Hiến Pháp nước CHXHCNVN về quyền và nghĩa vụ của công dân.  - Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với lứa tuổi.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:** trung thực, trách nhiệm. |
| 17 | **BÀI 11: QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:  - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.  - Nêu được ý nghĩa quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 18 | **BÀI 12: THỰC HIỆN QUYỀN TRẺ EM** | **2** | **1.Kiến thức, kĩ năng**:  - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong thực hiện quyền trẻ em.  - Phân biệt được hành vi thực hiện và hành vi vi phạm quyền trẻ em.  - Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.  - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của gia đình, nhà trường và xã hội; bày tỏ được nhu cầu thực hiện tốt quyền trẻ em.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.  - Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.  **3. Phẩm chất:** nhân ái, cần cù, trung thực, trách nhiệm. |
| 19 | **KIỂM TRA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  - Quyền cơ bản của trẻ em.  - Thực hiện quyền trẻ em.  **2. Kỹ năng:**  Biết vận dụng các kiến thức đã học vào trong cuộc sống để xử lý những tình huống cụ thể, gần gũi với sinh hoạt, học tâp của các em.  **3. Thái độ:** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra. |
| 20 | **TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ II** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Biết được những kiến thức đã học về chuẩn mực đạo đức.  - Hiểu được ý nghĩa của các chuẩn mực đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.  - Củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12.  **2. Năng lực:**  - Năng lựng chung: Tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề.  - Năng lực riêng: Tự nhận thức, tự điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Tự chủ, tự tin, trung thực. |

**III.** **Các nội dung khác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** |  | *,ngày …. tháng 8 năm2021*  **GIÁO VIÊN** |

**PHỤ LỤC II**

**KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

***( Kèm theo công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDDT)***

**TRƯỜNG …..CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỔ … *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học 2021-2022**

**1. Khối lớp 6; Số học sinh ….;Môn : Giáo dục công dân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| **1** | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của các tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.  - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.  - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. | 3 | Tuần 20 , cuối Tháng 1 năm 2022 | - Tại sân thể dục  - Lớp học | Giáo viên bộ môn | - Giáo viên thể dục  - Tổng phụ trách đội  - Phòng thiết bị | - Đầy đủ dụng cụ và không gian phù hợp.  - Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm.  - Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm |

**TỔ TRƯỞNG** *, ngày ....tháng 8 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG**